

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 1/2 – TUẦN 6

Người soạn: Nguyễn Thị Tín

Ngày thực hiện: 14/10/2024 đến ngày 20/10/2024

Thứ Hai ngày 14 tháng 10 năm 2024

SINH HOẠT DƯỚI CỜ:

PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO NÓI LỜI HAY Ý ĐẸP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được nội dung phong trào “Nói lời hay ý đẹp”.
- Hồ hởi tham gia phong trào “Nói lời hay ý đẹp”.

II. CHUẨN BỊ:

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu 5:
 - + Ổn định tổ chức.
 - + Chinh đón trang phục, đội ngũ
 - + Đứng nghiêm trang
 - + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca
 - + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.
 - + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.
- GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:
 - + Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.
 - + Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng

trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

* Thực hiện nghi lễ chào cờ

* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào “Nói lời hay ý đẹp” đối với HS tiểu học nói chung, HS lớp 1 nói riêng. Nội dung chính tập trung vào:

- Khái quát mục đích, ý nghĩa của phong trào “Nói lời hay ý đẹp”.

TOÁN:

Tiết 1

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Sách điện tử

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
----------------------	----------------------

A.Hoạt động khởi động (5 phút)

- Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

+ *Quan sát hai bức tranh* trong SGK.

+ *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng được ném vào rổ.

- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B.Hoạt động hình thành kiến thức (10 phút)

1. Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính.

Gộp lại (cả hai tay) và đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính.

2.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*

3.Hoạt động cả lớp:

GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.

- GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $3 + 2 = 5$.

3.Củng cố kiến thức mới: (3 phút)

- GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi giải phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn? Bạn nào nêu được phép cộng?”;

C. Hoạt động thực hành, luyện tập (15 phút)

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:

+ Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng?

+ Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $2+1 = 3$ vào vở.

- HS thực hiện

- HS xem tranh

- HS thực hiện

- HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”.

- HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn $3 + 2 = 5$ và đọc *ba cộng hai bằng năm*.

- HS gài phép tính $1 + 4 = 5$ vào thanh gài.

- Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng.

- HS thực hiện

- Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong

GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về bức tranh: *Có...Có...Có tất cả...*

Bài 2

- Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3. - Cho HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*

D. Hoạt động vận dụng (2 phút)

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo?

E. Hoạt động nối tiếp:

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

bức tranh và phép tính tương ứng.
Chia sẻ trước lớp.

- HS quan sát tranh . Chia sẻ trước lớp.

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

TIẾNG VIỆT

Bài 28: t th

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết âm và chữ cái **t, th**; đánh vần, đọc đúng tiếng có **t, th**.
- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **t**, âm **th**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Nhớ bố*
- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **t, th**, tiếng **tổ, thỏ**.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kỹ năng phân tích, phán đoán, nêu ý kiến cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Sách điện tử.
- HS: Phiếu hoặc 4 thẻ từ để 1 HS làm BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Tiết 1	
<p>A. KHỞI ĐỘNG: (5 phút) GV kiểm tra HS đọc bài Tập đọc <i>Ở nhà bà</i> (bài 27).</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (30 phút) 1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu bài học mới: âm và chữ cái t, th.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.- GV giới thiệu chữ T in hoa dưới chân trang 2 của bài đọc.	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc bài Tập đọc <i>Ở nhà bà</i> (bài 27). - Hs thực hiện - Hs quan sát

2. Chia sẻ và khám phá (BT 1:

Làm quen)

2.1. Âm **t**, chữ **t**.

Gv giới thiệu tổ chim

- HS nhìn hình, nói: tổ chim.

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc: **tổ**.

- Phân tích tiếng **tổ**: âm **t**, âm **ô**,
dấu hỏi.

- Đánh vần và đọc tiếng: **tờ - ô -
tô - hỏi - tổ / tổ**.

- Hs thực hiện

2.2. Âm **th** và chữ **th** (làm như **t**):

HS đọc: **thỏ**. / Phân tích tiếng **thỏ**. /

Đánh vần: **thờ - o**

- **tho - hỏi - thỏ / thỏ**.

3. Luyện tập

3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm t? Tiếng nào có âm th?)

- Làm như những bài trước.

Cuối cùng, GV chỉ từng từ in đậm, cả lớp đồng thanh: Tiếng **tô** (mì) có âm t. Tiếng **thả** (cá) có âm th,...

-

- Hs thực hiện

HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm t (ta, tai, tài, táo, tim, tối,...); có âm th (tha, thái, thềm, thêm, thảo,...).

1 HS nói 2 chữ mới học: t, th; 2 tiếng mới học: tổ, thỏ. GV chỉ mô hình các tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn. HS gài lên bảng cài chữ t, th.

3.2. Tập đọc (BT 3)

a) GV giới thiệu hình minh họa câu chuyện: Nhớ bố

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ: thợ mỏ, xa

nhà.	- Hs luyện đọc
------	----------------

Tiết 2

<p>a) Luyện đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài đọc có 4 câu - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. <p>b) Thi đọc tiếp nối (theo cặp, tổ).</p> <p>g) Thi đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng tổ luyện đọc trước khi thi. - Vài tổ thi đọc. GV khen HS, <p>h) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa lên bảng nội dung BT; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc. - HS nối các vế câu trong VBT (hoặc làm miệng). - HS nói kết quả, GV giúp HS nối ghép các vế câu trên bảng lớp. / Cả lớp nhắc lại kết quả: a - 2) / b - 1) <p>3.3. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <p>a) Cả lớp đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.</p> <p>b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn</p>	<p>- Hs thực hiện</p> <p>Đọc tiếp nối từng lời (cá nhân, từng cặp).</p> <p>- Hs thực hiện</p> <p>1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).</p> <p>-Hs thực hiện</p>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Chữ t: cao 3 li; viết. 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét thẳng ngang. - Chữ th: là chữ ghép từ 2 chữ t và h (viết chữ h: 1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu). Chú ý viết t và h liền nét. - Tiếng tỏ: viết t trước, ô sau, dấu hỏi đặt trên ô. - Tiếng thỏ: viết th trước, o sau, dấu hỏi đặt trên o. <p>4/Hoạt động nối tiếp:</p>	<p>Hs thực hiện</p> <p>- Hs quan sát</p> <p>HS viết t, th (2 lần). / Viết: tỏ, thỏ.</p>
---	---

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

Chiều Thứ Hai ngày 14 tháng 10 năm 2024

TOÁN:

Tiết 2

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).
- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử
- HS: Các que tính, các chấm tròn.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
----------------------	----------------------

A. Hoạt động khởi động (5 phút)

- Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

+ *Quan sát hai bức tranh* trong SGK.

+ *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.

- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức (5 phút)

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...*

3. Hoạt động cả lớp: (5 phút)

GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.

- GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $4+1=5$.

4. Củng cố kiến thức mới: (3 phút)

- GV nêu tình huống khác,

HS nêu phép cộng tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS gài phép tính $3 + 2 = 5$ vào thanh gài.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập (12 phút)

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:

+ Có 1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong?

- HS thực hiện

- HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính?

- HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que tính. Có tất cả 5 que tính”.

- HS nhìn $4 + 1 = 5$, đọc *bốn cộng một bằng năm*.

- Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng.

+ Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $1 + 1 = 2$ vào vở.

- Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói

<p>- GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: <i>Có... Thêm... Có tất cả...</i></p> <p>Bài 2</p> <p>- Cho HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.</p> <p>- GV chốt lại cách làm bài.</p> <p>Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Thêm... Có tất cả...</i></p> <p>D.Hoạt động vận dụng (2 phút)</p> <p>HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hà có tất cả mấy cái kẹo?</p>	<p>cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.</p> <p>- HS quan sát . Chia sẻ trước lớp.</p>
<p>E.Hoạt động nối tiếp: (3 phút)</p> <p>- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?</p> <p>- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.</p>	

TIẾNG VIỆT:

Bài 29

tr ch

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết âm và chữ cái **tr, ch**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **tr, ch**.
- Nhìn chừ dưới hình, tìm đúng tiếng có **tr, có ch**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Đi nhà trẻ*.

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **tr, ch, tre, chó**.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kĩ năng phân tích, phán đoán, nêu ý kiến cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử
- HS: Sách giáo khoa, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Tiết 1	
<p>A. Khởi động: (5 phút) GV kiểm tra HS viết, đọc các chữ tổ, thỏ.</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: âm và chữ cái tr, ch. GV chỉ từng chữ tr, ch, phát âm mẫu, cho HS (cả nhân, cả lớp) nói lại.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Âm tr, chữ tr: Gv giới thiệu tranh cây tre</p> <p>2.2. Âm ch, chữ ch: * Củng cố:</p> <p>GV chỉ mô hình các tiếng,</p>	<p>HS viết, đọc các chữ tổ, thỏ.</p> <p>- Hs nhắc lại bài</p> <p>HS nói: cây tre. / Đọc: tre. / Phân tích tiếng tre. / Đánh vần: trờ - e - tre / tre. HS nhận biết: ch, o, dấu sắc; đọc: chó. / Phân tích tiếng chó. / Đánh vần, đọc tron: chờ - o - cho - sắc - chó / chó. HS nói 2 chữ mới vừa học: tr, ch; 2 tiếng mới: tre, chó. HS đánh vần, đọc tron. HS gài lên</p>

<p>3. Luyện tập</p> <p>3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm tr? Tiếng nào có âm ch?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện như những bài trước. <p>Cuối cùng, GV chỉ từng hình, lớp: Tiếng trà có tr. Tiếng chỗ có âm ch,...</p> <p>3.2. Tập đọc (BT 3)</p> <ul style="list-style-type: none"> a) GV chỉ hình minh họa: Đây là hình ảnh bé Chi ở nhà trẻ. Các em cùng đọc bài xem bé Chi đi nhà trẻ thế nào. b) GV đọc mẫu. c) Luyện đọc từ ngữ: nhà trẻ, chị Trà, bé Chi, qua chợ, cá trê, cá mè, nhớ mẹ, bé nhè. <p>4. Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<p>bảng cài: tr, ch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói thêm 3-4 tiếng có âm tr (trai, tranh, trao, trôi, trụ,...); có âm ch (cha, chả, cháo, chim, chung,...). - Hs luyện đọc
---	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

Thứ Ba ngày 15 tháng 10 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM:
GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ
EM LÀ NGƯỜI LỊCH SỰ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.
- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân thể hiện cách ứng xử phù hợp, lịch sự khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

***Tích hợp quyền con người:**

- Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe và thân thể.
- Quyền được tôn trọng bản thân và nghĩa vụ tôn trọng người khác.
- Quyền được bảo vệ chống lại sự can thiệp vào đời tư.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh, ảnh về những hành động, việc làm thể hiện sự lịch sự.
- Đồ dùng, trang phục để HS đóng vai.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Ôn định: - Giới thiệu bài + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thế nào là người lịch sự.	- Hát - Lắng nghe

2. Các hoạt động chủ yếu. (32 phút)

*Mục tiêu:

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.
- Có kỹ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân thể hiện cách ứng xử phù hợp, lịch sự khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

Hoạt động 1. Trò chơi “Làm người lịch sự”

- Mục tiêu: Khởi động, tạo tâm thế vào hoạt động, HS bước đầu nêu được vai trò của việc thể hiện lịch sự trong lời nói.

* Cách tiến hành :

- GV phổ biến luật chơi: Cô sẽ nói các lời yêu cầu, đề nghị HS làm theo, nếu trong lời nói có từ “Mời” ở trước thì các em làm theo, nếu trong lời nói không có từ “Mời” ở trước thì các em không làm theo.
- GV cho HS chơi trò chơi một vài lần.
- HS trả lời câu hỏi : Em học được gì thông qua trò chơi này?

*GV kết luận:

- Trong cuộc sống hàng ngày, lời nói rất quan trọng. Khi chúng ta nói lời hay, lịch sự thì người khác sẽ luôn muốn nghe và làm theo.

- HS đứng thành các hàng dọc giữa lối đi và lắng nghe phổ biến luật chơi:

- HS tham gia trò chơi
- HS trả lời theo quan điểm của bản thân.
- Theo dõi, lắng nghe

3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.

Hoạt động 2: Quan sát tranh và liên hệ với những lời nói, "để thể hiện phép lịch sự".

*** Mục tiêu:**

- HS quan sát tranh để bày tỏ thái độ và tự liên hệ về cách ứng xử lịch sự của bản thân với bạn bè và mọi người xung quanh.

Bước 1. Tổ chức cho HS quan sát tranh:

- GV chia nhóm và cho HS làm việc nhóm.

- GV cho HS quan sát tranh trong SGK và nhận xét, đánh giá về lời nói, hành động của mọi người trong tranh.

Bước 2. Làm việc cặp đôi:

- GV cho HS trả lời theo các câu hỏi:

+ Khi người khác ứng xử lịch sự với bạn, bạn cảm thấy như thế nào?

+ Bạn đã làm gì để thể hiện lịch sự với bạn bè và mọi người xung quanh?

- GV cho các nhóm lên trình bày kết quả làm việc của nhóm

- GV nhận xét và rút ra kết luận.

* *Kết luận:* Khi gặp người quen, các em nên chào hỏi lễ phép; khi muốn đề nghị hoặc yêu cầu người khác giúp đỡ, chúng ta nên nói năng nhẹ nhàng, thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện và lịch sự với

- Làm việc theo nhóm

- HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.

- Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.

- HS nhận xét nhóm bạn

- Từng cặp HS hỏi và trả lời theo các câu hỏi. Sau đó đổi vai.

+ Cảm thấy được tôn trọng, thoải mái.

+ HS chia sẻ những việc cần làm thể hiện sự lịch sự.

- 2 đến 3 nhóm HS lên hỏi – đáp các câu hỏi trên trước cả lớp.

- HS nhận xét nhóm bạn.

- Lắng nghe, ghi nhớ

người khác.

Hoạt động 3: Đóng vai

* **Mục tiêu:** HS tham gia vào một số tình huống giả định để rèn kỹ năng ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

* **Cách tiến hành:**

- GV nêu yêu cầu: Chia lớp thành các nhóm 4 người. Mỗi nhóm sẽ bốc thăm 1 tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống đó.

Tình huống 1: Giờ ra chơi, một số bạn đang chơi nhảy dây ở sân trường, các em đang xếp hàng chờ đến lượt chơi thì Nga chạy từ đầu lại chen ngang và bảo “Để tớ chơi trước”. Nếu em đang chơi mà gặp tình huống này, em sẽ làm thế nào?

Tình huống 2: Giờ ra chơi, do mãi chạy nên Nam va phải một bạn gái, làm bạn này bị ngã. Nếu em là Nam, em sẽ nói gì với bạn gái?

Tình huống 3: Hải được bố mẹ cho đi chơi ở công viên, khi các bạn đang xếp hàng đợi đến lượt tham gia trò chơi đu quay, Hải quá háo hức nên chen ngang các bạn, chạy đứng lên đầu. Nếu em là bạn của Hải, em sẽ khuyên Hải như thế nào?

- HS chia theo nhóm bàn. Các nhóm cử đại diện lên bốc thăm tình huống của nhóm.

- Em sẽ khuyên bạn không nên chen ngang. Nếu muốn chơi hãy tham gia và chờ đến lượt của mình.

- Nếu em là Nam, em sẽ đỡ bạn dậy và xin lỗi bạn vì sự sơ ý vừa rồi.

Nếu em là bạn của Hải, em sẽ khuyên bạn không nên chen lấn xô đẩy mà cần xếp hàng chờ đến lượt mình.

<p><i>Tình huống 4:</i> Trên đường vào lớp, bạn Huy làm rơi mũ. Hoa đi sau nhìn thấy đã nhặt mũ và đưa trả cho Huy. Nếu là Huy, em sẽ nói gì với Hoa?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thảo luận tình huống và đóng vai theo nhóm. - GV gọi các nhóm đóng vai trước lớp. - GV cùng HS nhận xét các nhóm. <p>*Tích hợp quyền con người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe và thân thể. - Quyền được tôn trọng bản thân và nghĩa vụ tôn trọng người khác. - Quyền được bảo vệ chống lại sự can thiệp vào đời tư. <p>* Kết luận: Các em cần lưu ý cách ứng xử lịch sự với mọi người xung quanh: không nên chen lấn, xô đẩy, nói năng lịch sự, lễ phép; giữ vệ sinh đường phố; khi có thể hãy giúp đỡ người khác; xin lỗi và nhận lỗi khi mình sai. Khi làm được những việc này, em sẽ được người khác quý mến, khen ngợi.</p>	<p>Nếu là Huy, em sẽ nói lời cảm ơn vì sự giúp đỡ của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận, xử lý tình huống, phân vai, tìm lời thoại để đóng vai. - Lần lượt từng nhóm lên đóng vai xử lý các tình huống. - HS nhận xét nhóm bạn.
<p>3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe

ngợi, biểu dương HS. - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về Em là người lịch sự.	
---	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

TIẾNG VIỆT:

**Bài 29 tr ch
Tiết 2**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết âm và chữ cái **tr, ch**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **tr, ch**.
- Nhìn chừ dưới hình, tìm đúng tiếng có **tr, có ch**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Đi nhà trẻ*.
- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **tr, ch, tre, chó**.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kĩ năng phân tích, phán đoán, nêu ý kiến cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử
- HS: Sách giáo khoa, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (2 phút) 2. Luyện đọc câu (10 phút)	- Hs thực hiện(1 HS, cả lớp)

<p>- GV: Bài đọc có mấy câu? (HS đếm: 6 câu). GV chỉ chậm từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.</p> <p>- HS (cá nhân, từng cặp) luyện đọc tiếp nối từng câu.</p> <p>Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: 2 câu / 4 câu). (Quy trình như các bài trước).</p> <p>3. Tìm hiểu bài đọc (10 phút)</p> <p>- GV nêu YC, mời HS nói về từng hình ảnh trên bảng lớp. (Hình 1: Bé Chi đang khóc méu. Hình 2: Chị Trà đỡ Chi.)</p> <p>- HS làm bài trong VBT. /1 HS báo cáo kết quả. GV giúp HS nối chữ với hình trên bảng lớp. / Cả lớp đọc kết quả (đọc lời, không đọc chữ và số): Hình 1: Bé Chi nhớ mẹ. / Hình 2: Chị Trà đỡ bé Chi. / GV: <i>Chị Trà đỡ bé Chi thế nào?</i> (Chị đỡ: “Bé nhè thì cô chề đó”).</p> <p>3.3. Tập viết (bảng con - BT 4) (10 phút)</p> <p>a) HS đọc các chữ, tiếng vừa học.</p> <p>b) GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn</p> <p>- Chữ tr: là chữ ghép từ 2 chữ HS đã biết là t, r.</p> <p>- Chữ ch: là chữ ghép từ 2 chữ HS đã biết là c và h.</p> <p>- Tiếng tre: viết tr trước, e sau.</p> <p>- Tiếng chó: viết ch trước, o sau, dấu sắc đặt trên o.</p>	<p>- Hs luyện đọc</p> <p>- Hs thực hiện</p> <p>Hs thực hiện</p> <p>- Hs đọc: tr,ch,tre,chó</p> <p>- Hs quan sát</p> <p>HS viết bảng con: tr, ch (2 lần). / Viết: tre, chó.</p>
---	--

5. Hoạt động nối tiếp: (3phút)	
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

TẬP VIẾT:
t, th, tr, ch

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Tô, viết đúng các chữ vừa học ở bài 28, 29: **t, th, tr, ch** và các tiếng **tổ, thỏ, tre, chó** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Các chữ mẫu *t, th, tr, ch*, đặt trong khung chữ.
- HS: Sách giáo khoa, vở luyện viết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học. (3 phút)</p> <p>2. Luyện tập (30 phút)</p> <p style="padding-left: 20px;">a) Cả lớp đọc các chữ, tiếng được viết trên bảng: <i>t, tổ, th, thỏ, tr, tre, ch,</i></p>	<p>- Hs thực hiện</p>

chó.

b) Tập tô, tập viết: *t, tổ, th, thỏ*

- GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:

+ Chữ *t*: cao 3 li, viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét thẳng ngang. Quy trình viết: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, đến ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, rê bút lên ĐK 4 rồi chuyển hướng ngược lại viết nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2. Từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên ĐK 3 viết nét thẳng ngang.

+ Tiếng *tổ*: viết chữ *t* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên *ô*; chú ý nét nối giữa *t* và *ô*.

+ Chữ *th*, ghép từ hai chữ *t* và *h*.
Chú ý viết *t* và *h* liền nét.

+ Tiếng *thỏ*, viết *th* trước, *o* sau, dấu hỏi đặt trên *o*; chú ý nét nối giữa *th* và *o*.

c) Tập tô, tập viết: *tr, tre, ch, chó*
(như mục b)

- GV hướng dẫn:

+ Chữ *tr*: là chữ ghép từ hai chữ *t* và *r*.

+ Tiếng *tre*, viết *tr* trước, *e* sau.

+ Chữ *ch*, là chữ ghép từ hai chữ *c* (1 nét cong trái) và *h*.

+ Tiếng *chó*, viết *ch* trước, *o* sau, dấu sắc đặt trên *o*.

- Hs Tập tô, tập viết: *t, tổ, th, thỏ*

- 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.

- Hs quan sát

-

- HS tô, viết các chữ, tiếng *t, tổ, th, thỏ* trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

- HS theo dõi

- HS tô, viết: *tr, tre, ch, chó* trong vở *Luyện viết 1*, tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm*.

3/Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

– Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.

- Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

Thứ Tư ngày 16 tháng 10 năm 2024

TOÁN:

Bài 16. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

* Tích hợp GDKNS: KN ra quyết định, giải quyết vấn đề, KN hợp nhóm.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động (5 phút) - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: + <i>Quan sát</i> bức tranh trong SGK.	+ Chia sẻ trước lớp: đại diện một số

+ Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”.

- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động hình thành kiến thức (10 phút)

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

- GV nói: Bạn gái bên trái có 3 chong chóng
- Lấy ra 3 chấm tròn;

Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn.

Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng $3 + 1$.

2. HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. $4 + 2 = 6$.

GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... có tất cả...*

3. Củng cố kiến thức mới:

GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.

Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập (15 phút)

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính

bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.

- HS theo dõi

- *Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38.

- HS nói: $3 + 1 = 4$.

- Đổ vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 2

- Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).

- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo?

Phép tính tương ứng là: $3 + 2 = 5$.

D. Hoạt động vận dụng (3 phút)

- Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

E. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân.

Chia sẻ trước lớp.

- HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

- HS thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy

.....
.....
.....

Tiếng Việt:

u ư

(2 tiết)

Bài 30

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết các âm và chữ cái **u, ư**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **u, ư**.
- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **u**, âm **ư**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chó xù*.
- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **u, ư, tử, sư tử**.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

-GV: Sách điện tử

-HS: Thẻ để HS viết ý đúng: a hay b?

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Tiết 1	
<p>A. Khởi động : (3 phút) 2 HS đọc bài Tập đọc <i>Đi nhà trẻ</i> (bài 29).</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI: (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: âm và chữ cái u, ư, chữ in hoa U, Ư. GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Âm u, chữ u: Gv giơ tranh cái tử hỏi cái gì đây?</p> <p>2.2. Âm ư, chữ ư:</p> <p>2.3. Gv giơ tranh con sư tử hỏi con gì đây?</p>	<p>- Hs đọc bài</p> <p>- HS nói: tử. / Nhận biết: t, u, dấu hỏi = tử. Đọc: tử. / Phân tích tiếng tử. / Đánh vần và đọc tiếng: tờ - u - tu - hỏi - tử / tử.</p> <p>HS nói: sư tử. / Nhận biết: s, ư = sư; t, ư, dấu hỏi = tử. Đọc: sư tử. / Phân tích các tiếng sư, tử. / Đánh vần, đọc tron: sờ - ư - sư / tờ - ư - tư - hỏi - tử / sư tử.</p> <p>* HS nhắc lại: 2 chữ mới học là u, ư; 2 tiếng mới học: tử, sư tử. HS nhìn mô hình các tiếng, đánh vần, đọc tron. HS gài lên bảng cài: u, ư.</p>

<p>3. Luyện tập</p> <p>3.1 Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm u? Tiếng nào có âm ư?)</p> <p>- GV chỉ từng từ (in đậm), cả lớp: Tiếng đu có âm u. Tiếng đủ có âm u. (Hoặc: Hai tiếng đu đủ đều có âm u)... Tiếng từ có âm ư...</p> <p>3.2. Tập đọc (BT 3)</p> <p>a) GV chỉ hình, giới thiệu bài <i>Chó xù</i>: Chó xù là loài chó có bộ lông xù lên. Sư tử cũng có lông bờm xù lên. Các em cùng đọc bài để biết chuyện gì xảy ra giữa chó xù và sư tử.</p> <p>b) GV đọc mẫu.</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: chó xù, lừ lừ, ra ngõ, ngõ, sư tử, ngó, mi, sợ quá. GV giải nghĩa: <i>lừ lừ</i> (đi chậm chạp, lặng lẽ), <i>ngõ</i> (nghĩ là như thế nhưng sự thật không phải là thế), <i>ngó</i> (nhìn).</p> <p>4.Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc: <i>đu đủ, cá thu</i>,...</p> <p>- HS tìm tiếng có u, có ư; nói kết quả</p> <p>- Hs thực hiện.</p> <p>- HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm u (su su, ru, ngũ, thu, phú,...); có âm ư (hư, sử, thứ, thử, tự,...).</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>- Hs luyện đọc</p>
--	---

Tiết 2	
<p>d) Luyện đọc câu</p> <p>- GV: Bài có mấy câu?</p> <p>- GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc</p>	<p>- HS đếm: 7 câu.</p> <p>- Hs thực hiện</p>

<p>thầm rồi đọc thành tiếng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 3 câu) (theo cặp / tổ). g) Thi đọc theo vai <ul style="list-style-type: none"> - (Làm mẫu): GV (người dẫn chuyện) cùng 2 HS (vai chó xù, sư tử) đọc mẫu. <ul style="list-style-type: none"> . GV khen HS, tổp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm. - Cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ). h) Tìm hiểu bài đọc <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu YC. HS đọc từng ý a, b của BT. <ul style="list-style-type: none"> - HS khoanh tròn ý đúng trong VBT hoặc ghi ý mình chọn lên thẻ. - GV: Ý nào đúng? HS giơ thẻ. <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ý a đúng (<i>Lũ gà ngỡ chó xù là sư tử</i>). + Ý b sai (Vì sư tử biết rõ chó xù không phải là sư tử nên mới hỏi đầy đe dọa: —Mi mà là sư tử à?”). <p>3.3. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học: u, ư, tử, sư tử. b) GV vừa viết mẫu vừa hướng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc.(1 HS, cả lớp) - Hs thực hiện -Từng tổp 3 HS luyện đọc theo 3 vai. Vài tổp thi đọc -1 HS đọc cả bài. Hs thực hiện -HS đọc kết quả: Ý a đúng. Ý b sai. - Hs đọc u, ư, tử, sư tử. - Hs quan sát
--	---

dẫn

- Chữ u: cao 2 li; gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược. Chú ý: nét móc ngược 1 rộng hơn nét móc ngược 2. Chữ u: như **u** nhưng thêm 1 nét râu như **ơ** (không nhỏ quá hoặc to quá).

- Tiếng **tử**: viết chữ **t** trước, **u** sau, dấu hỏi đặt trên **u**.

- Thực hiện tương tự với các tiếng **sur tử**.

c) Yêu cầu HS viết bảng con

4. Hoạt động nối tiếp

- GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh
- Dặn về nhà làm BT
- Tập viết trên bảng con

-HS viết bảng con: **u, ư** (2 - 3 lần).
Sau đó viết: **tử, sur tử**.

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

BÀI 4. LỚP HỌC CỦA EM (3 tiết)

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học .
- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .
- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học ; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .
- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học .
- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học
- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .
- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử .
- HS: Phiếu tự đánh giá cá nhân .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TIẾT 1

Giới thiệu lớp học của em

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (2 phút) - Ổn định: GV cho HS nghe và hát theo lời bài hát : Lớp chúng mình	- Hát

<p>? Bài hát nói với em điều gì về lớp học</p> <p>- Giới thiệu bài:</p> <p>2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)</p> <p><u>Hoạt động 1. Tìm hiểu lớp học của bạn An</u></p>	
<p>* Mục tiêu</p> <p>- Kể được tên các thành viên và đồ dùng trong lớp học bạn An . Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về các thành viên và đồ dùng trong lớp học .</p>	
<p>* <i>Cách tiến hành:</i></p> <p><i>Bước 1 : Làm việc theo cặp</i></p> <p>- HS quan sát các hình ở trang 28 , 29 trong SGK</p> <p>GV hỏi: + Lớp bạn An có những ai ? Họ đang làm gì ?</p> <p>+ Trong lớp có những đồ dùng gì ? Chúng được sắp đặt như thế nào ?</p> <p><i>Bước 2 : Làm việc cả lớp</i></p> <p>- GV yêu cầu đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp .</p> <p>- HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .</p> <p>* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời.</p>	<p>-HS quan sát</p> <p>-HS tìm hiểu và làm việc theo cặp</p> <p>-Đại diện trình bày kết quả</p> <p>+ Lớp bạn An có thầy / cô giáo và các bạn HS . Thầy / cô giáo hướng dẫn HS học tập , HS hát , vẽ , ...</p> <p>+ Trong lớp bạn An có nhiều đồ dùng như : bảng , bàn ghế GV và HS , quạt trần , tủ đồ dùng , ...</p>

3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.

***Mục tiêu:**

Nêu được tên lớp học và một số đồ dùng trong lớp học của mình .

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .

- Đặt được các câu hỏi đơn giản về lớp học và các thành viên trong lớp học .

Hoạt động 2 : Giới thiệu về lớp học của mình

*** Cách tiến hành**

Bước 1 : Làm việc theo cặp

- Yêu cầu HS giới thiệu về lớp học HS đặt câu hỏi , HS kia trả lời . GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi:

+ Nêu tên lớp học của chúng mình .

+ Lớp học có những đồ dùng gì ? Chúng được sắp đặt như thế nào ?

+ Nói về các thành viên trong lớp học (tên và nhiệm vụ chính của họ) .

HS giới thiệu với bạn về lớp học của mình.

+ HS thay nhau hỏi và trả lời

-Hai thành viên chính trong lớp học là GV và HS , Nhiệm vụ chính của GV là dạy học , nhiệm vụ chính của HS là học tập

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

Chiều Thứ Tư ngày 16 tháng 10 năm 2024

TIẾNG VIỆT:

ua ưa (Tiết 1)

Bài 31.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết các âm và chữ **ua, ưa**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ua, ưa**.
- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **ua**, âm **ưa**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (1).
- Viết trên bảng con các chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa**.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kỹ năng phân tích, phán đoán, nêu ý kiến cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Sách điện tử
- HS: Sách giáo khoa, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Tiết 1	
<p>A. Khởi động: (3 phút) -Yêu cầu HS đọc bài <i>Chó xù</i></p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (30phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: âm và chữ ua, ưa. GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu c</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Âm ua và chữ ua -Gv giới thiệu hình con cua -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần</p> <p>2.2. Âm ưa và chữ ưa:</p>	<p>2 HS đọc bài Tập đọc <i>Chó xù</i> (bài 30).</p> <p>-HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.</p> <p>HS, nhìn hình, nói: Con cua. / Nhận biết chữ cua: c, ua; đọc: cua. / Phân tích tiếng cua: gồm có âm c, âm ua. / Đánh vần và đọc tiếng: cờ - ua - cua / cua. - HS nhận biết: ng, ưa, đầu</p>

Gv giới thiệu hình con ngựa

-Yêu cầu HS phân tích, đánh vần

nặng; đọc: **ngựa.** / Phân tích tiếng **ngựa.** / Đánh vần và đọc tiếng: **ngờ - ưa - ngựa - nặng - ngựa / ngựa.**

3. Luyện tập

3.1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **ua**? Tiếng nào có âm **ư**?)

- Thực hiện như các bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ in đậm, HS đồng thanh: Tiếng **dua** (đỏ) có âm **ua**. Tiếng **rùa** có âm **ư**...

-HS thực hiện

- HS nói thêm 3 4 tiếng ngoài bài có âm **ua** (đùa, múa, lựa, lúa,...); có âm **ư** (cưa, chứa, hứa, nửa, vựa,...).

* **Củng cố:** HS nói 2 chữ mới học: **ua, ưa**; 2 tiếng mới học: **cua, ngựa.** GV chỉ mô hình tiếng **cua, ngựa**, HS đánh vần, đọc tron.

-HS đọc

HS tìm **ua, ưa** trong bộ chữ, cài lên bảng, báo cáo kết quả.

3.2. **Tập đọc** (BT 3)

a) GV giới thiệu bài *Thỏ thua rùa* (1): Các em có biết rùa là con vật thế nào, thỏ là con vật thế nào không?

-Rùa bò rất chậm. Thỏ phi rất nhanh.

GV: Thế mà khi thi chạy, thỏ lại thua rùa. Vì sao vậy? Các em hãy cùng nghe câu chuyện.

-HS lắng nghe

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **thua rùa, bờ hồ, đùa, thi đi bộ, chả sọ, thi thì thi, phi như gió.**

-HS luyện đọc từ ngữ

Tiết 2

<p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Bài đọc có mấy câu?- GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. (Đọc liền 2 câu (<i>Rùa chả sợ: “Thì thì thì!”</i>);- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) <p>e) Thi đọc đoạn, bài</p> <p>Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu).</p> <ul style="list-style-type: none">- Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh. <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc. / HS nối ghép các từ ngữ trong VBT.- 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS nối ghép các cụm từ trên bảng lớp: a-2) Thỏ rù rùa thi đi bộ. b-1) Rùa chả sợ thi. / Cả lớp đọc lại kết quả.- GV: Qua bài đọc, em biết gì về tính tình thỏ?- GV: Chính vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo mà kết thúc cuộc thi, người thắng không phải là thỏ. Các em sẽ biết kết thúc của câu chuyện khi đọc đoạn 2. <p>3.3. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <p>a) HS đọc các chữ, tiếng vừa học.</p> <p>b)</p> <p>c) GV vừa viết mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn</p> <ul style="list-style-type: none">- ua: là chữ ghép từ hai chữ u và a, đều cao 2 li.	<ul style="list-style-type: none">- HS đếm: 9 câu.- Hs thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Hs đọc(cá nhân, từng cặp). <ul style="list-style-type: none">- Hs thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Hs thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Hs thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Thỏ rất xem thường rùa, chủ quan, kiêu ngạo cho là mình có tài chạy nhanh. <ul style="list-style-type: none">- HS đọc các chữ, tiếng vừa học.ua,ưa. <ul style="list-style-type: none">- Hs quan sát
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - ura: chỉ khác ua ở nét râu trên ư. - cua: viết c trước, ua sau. Chú ý nét nối giữa c và ua. - ngư: viết ng trước, ư sau; dấu nặng đặt dưới ư. <p>d) HS viết: ua, ura (2 lần). / Viết: cua, ngư.</p> <p>4. Hoạt động nối tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh - Dặn về nhà làm BT - Tập viết trên bảng con 	<p>- Hs viết bài</p>
--	----------------------

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

Thứ Năm ngày 17 tháng 10 năm 2024

TẬP VIẾT

u, ura, ua, ura

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Tô đúng, viết đúng các chữ **u, ư, ua, ura**, và các tiếng **tử, sư tử, cua, ngư** ở bài 30, 31 - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Các chữ mẫu *u, ư, ua, ura* đặt trong khung chữ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học. (2 phút)</p> <p>2. Luyện tập (30 phút)</p> <p>a) Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: <i>u, tử, ư, sư tử, ua, cua, ura, ngư</i>.</p> <p>b) Tập tô, tập viết: <i>u, tử, ư, sư tử</i></p>	<p>- Hs đọc bài</p> <p>1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng;</p>

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:

+ Chữ *u*: cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, đến ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng để viết nét móc ngược 1. Từ điểm cuối của nét 2 (ở ĐK 2), rê bút lên tới ĐK 3 rồi viết tiếp nét móc ngược 2 (hẹp hơn nét móc ngược 1).

+ Tiếng tử: viết *t* trước, *u* sau, dấu hỏi đặt trên *u*.

+ Chữ *ư*: giống chữ *u* nhưng có thêm nét râu. Cách viết: viết xong chữ *u*, từ điểm dừng, lia bút lên phía trên ĐK 3 một chút (gần đầu nét 3) viết nét râu, dừng bút khi chạm vào nét 3.

+ Từ *su tử*, viết *s* trước, *ư* sau. Sau đó viết *t*, *ư*. dấu hỏi đặt trên *ư*.

- Yêu cầu HS tập tô, tập viết: *u*, *tử*, *ư*, *su tử* trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

c) Tập tô, tập viết: *ua*, *cua*, *ư*, *ngư* (như mục b)

-GV hướng dẫn: .

+ *ua*: là chữ ghép từ hai chữ *u* và *a*, đều cao 2 li.

+ *cua*: viết *c* trước, *ua* sau.

+ *ư*: là chữ ghép từ hai chữ *ư* và *a*.

u, *tử*, *ư*, *su tử* nói cách viết, độ cao các con chữ .

- Hs lắng nghe, theo dõi

-HS tập tô, tập viết: *u*, *tử*, *ư*, *su tử* trong vở *Luyện viết 1*, tập một

- Hs lắng nghe

-HS tập tô, tập viết: *ua*, *cua*, *ư*, *ngư*, hoàn thành phần *Luyện tập thêm*

+ *ngư*: viết *ng*, *ư*, dấu nặng đặt dưới *ư*.

- Yêu cầu HS tập tô, tập viết: *ư*, *cư*, *ư*, *ngư*, hoàn thành phần *Luyện tập thêm*.

3/Hoạt động nối tiếp : (3 phút)

– Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.
- Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành

-HS lắng nghe

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

KỂ CHUYỆN:
DÊ CON NGHE LỜI MẸ
(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi đàn dê con thông minh, ngoan ngoãn, biết nghe lời mẹ nên không mắc lừa con sói gian ác.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kỹ năng kể hay, trao đổi ý nghĩa câu chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử
- HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>A. KHỞI ĐỘNG: (5 phút)</p> <p>-GV đưa lên bảng 4 tranh minh hoạ truyện <i>Kiến và bọ câu</i> (bài 26)</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (15 phút)</p> <p>1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện (gợi ý)</p> <p>1.1. Quan sát và phỏng đoán:</p> <p>GV chỉ tranh minh hoạ: Dê mẹ có một đàn con đông đúc. Các em hãy xem tranh, đoán nội dung câu chuyện.</p> <p>1.2. Giới thiệu chuyện: Bầy dê con trong câu chuyện <i>Dê con nghe lời mẹ</i> rất ngoan. Chúng luôn ghi nhớ lời mẹ dặn. Nhờ nghe lời mẹ, bầy dê đã tránh được tai hoạ. Các em hãy lắng nghe để biết sự việc đã diễn</p>	<p>-HS 1 kể chuyện theo tranh. HS 2 nói lời khuyên của truyện.</p> <p>- Hs theo dõi, quan sát.</p> <p>-HS đoán: Dê mẹ dặn dò con trước khi ra khỏi nhà. Sói muốn đàn dê mở cửa nhưng dê không mở.....</p>

ra thế nào.

- Hs lắng nghe

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Nghe kể chuyện: GV kể chuyện với giọng diễn cảm.

Dê con nghe lời mẹ

(1) Dê mẹ phải vào rừng kiếm cỏ. Nó dặn đàn con:

- Mẹ đi vắng, các con ở nhà phải dè chừng lão sói đấy. Lão sói nói giọng khàn khàn, chân lão đen sì. Khi nào về, mẹ sẽ gõ cửa và hát thế này nhé: “Các con ngoan ngoãn. Mau mở cửa ra. Mẹ đã về nhà. Cho các con bú

(2) Lão sói đứng rình ngoài cửa đã nghe hết lời dặn của dê mẹ. Đợi dê mẹ đi rồi, lão rón rén đến, vừa gõ cửa, vừa giả giọng dê mẹ hát bài hát mà lão vừa nghe lỏm.

(3) Bầy dê con nhận ra ngay giọng hát khàn khàn, không trong trẻo như giọng mẹ. Chúng còn thấy một cái chân đen sì dưới khe cửa. Thế là cả bầy cùng nói to: “Sói đi đi!”.

(4) Thấy vậy, sói đành cụp đuôi, lủi mất.

(5) Dê mẹ trở về, gõ cửa và hát. Đàn dê con nhận ngay ra giọng mẹ. Chúng mở cửa và tranh nhau kể cho mẹ nghe chuyện không mắc lừa sói. Dê mẹ khen các con thật khôn ngoan và biết nghe lời mẹ.

Theo Truyện cổ Grim (Hoàng Minh kể)

2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh

- GV chỉ tranh 1, hỏi: *Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?*

- GV chỉ tranh 2: *sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?*

- Dê mẹ dặn các con phải dè phòng lão sói. Lão sói nói giọng khàn, chân đen sì. Khi nào về, mẹ sẽ gõ cửa và hát bài hát làm hiệu, các con hãy mở cửa.

- Sói đứng rình ngoài cửa nghe hết lời dặn của dê mẹ. Đợi dê mẹ đi rồi, lão rón rén đến, vừa gõ cửa, vừa giả giọng dê mẹ hát bài hát mà lão vừa nghe lỏm.

- GV chỉ tranh 3: *Vì sao bầy dê con không mở cửa, đồng thanh đuổi sói đi?*

- GV: Bầy dê rất khôn ngoan. Nhớ lời mẹ dặn, chúng rất cảnh giác, đề phòng sói. Chúng để ý giọng hát khàn khàn của sói, quan sát chân sói đen sì dưới khe cửa.

- GV chỉ tranh 4: *Thấy vậy, sói làm gì?*

-

- GV chỉ tranh 5: *Dê mẹ về nhà khen các con thế nào?*

b) Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của thầy / cô theo 2 hoặc 3 tranh.

c) 1 HS trả lời cả 5 câu hỏi theo 5 tranh.

- GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng

3/Kể chuyện theo tranh (10 phút)

- Mỗi HS chỉ 2 hoặc 3 tranh, tự kể chuyện.

- HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 5 tranh.

-GV cùng HS bình chọn bạn bạn

- Vì bầy dê con nhận ra giọng sói khàn khàn, không trong trẻo như giọng mẹ. Chúng còn thấy một cái chân đen sì dưới khe cửa.

-Sói đành cụp đuôi, lủi mất.

-Dê mẹ trở về, đàn con nhận ra giọng mẹ, mở cửa và kể cho mẹ nghe chuyện không mắc lừa sói. Dê mẹ khen các con khôn ngoan, biết nghe lời mẹ.

- Hs thực hiện

- HS tham gia bình chọn cùng HS

- Hs thực hiện

- HS tham gia bình chọn cùng GV

kể chuyện to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.

4/ Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện (3phút)

- GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?

- GV: Câu chuyện khuyên các em phải khôn ngoan, có tinh thần cảnh giác, biết nghe lời mẹ như bầy dê con mới không mắc lừa kẻ xấu.

- Cả lớp bình chọn những bạn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.

- Phải nhớ lời mẹ dặn. / Phải luôn đề phòng kẻ xấu. / Phải khôn ngoan, thông minh, không mắc lừa kẻ xấu.

-HS tham gia bình chọn

3/Hoạt động nối tiếp : (2 phút)GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Chú thỏ thông minh.

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
LỚP HỌC CỦA EM (TIẾT 2)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học .

Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .

Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học ; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học

Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .

Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Sách điện tử .

HS: Phiếu tự đánh giá cá nhân .

I. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TIẾT 2

Một số hoạt động chính ở lớp học

1. Hoạt động khám phá (30 phút)

Hoạt động 3 : Tìm hiểu hoạt động học tập trong giờ học

* Mục tiêu

- Kể được tên một số hoạt động học tập trong giờ học .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình , đặt câu hỏi về hoạt động học tập trong giờ học .

*Cách tiến hành

Bước 1 :Làm việc theo nhóm 6

+ GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 30 trong SGK , kể tên một số hoạt động ở lớp bạn An . Các bạn trong hình đã sử dụng những đồ dùng học tập nào ?

+ Trong giờ học , em đã tham gia những hoạt động nào ? Với mỗi hoạt động đó thường sử dụng đồ dùng học tập nào ?

Cùng thực hành sử dụng đồ dùng mà các em vẫn thường sử dụng . Ví dụ : Bộ chữ học Văn ,

+ Cùng thực hành sử dụng một số đồ dùng học tập (tùy điều kiện , HS được Bộ đồ dùng môn Toán , hộp bút màu , ...) .

Bước 2. Làm việc cả lớp

- . GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận.

- GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời và phần thực hành của các nhóm . GV hỏi : Các em cảm thấy thế nào khi tham gia vào những hoạt động học tập trên lớp

- GV cùng HS theo dõi, bổ sung

2.Hoạt động nối tiếp (5 phút)

- HS quan sát.

-Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.

Lần lượt đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.

- HS nhận xét nhóm bạn

- HS trả lời theo cảm nhận của các em .

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

.....

Thứ Sáu ngày 18 tháng 10 năm 2024

TIẾNG VIỆT:
ÔN TẬP
(1 tiết)

Bài 33:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng, hiểu ý nghĩa của bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2).
- Chép đúng 1 câu văn trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: + Sách điện tử
+ Các thẻ từ ghi số TT, 3 câu của BT đọc hiểu.
- HS: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài. Mời 1 HS đọc bài <i>Thỏ thua rùa</i> (1) để kết nối với <i>Thỏ thua rùa</i> (2).</p>	<p>Mời 1 HS đọc bài <i>Thỏ thua rùa</i></p>
<p>2. Luyện tập 2.1. BT 1 (Tập đọc) a) GV giới thiệu: Bài <i>Thỏ thua rùa</i> (2) sẽ cho các em biết: Vì sao thỏ tự kiêu cho mình có tài phi nhanh như bay lại thua rùa chậm chạp. b) GV đọc mẫu. c) Luyện đọc từ ngữ: sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa. GV giải nghĩa: la cà (đi chỗ này chỗ kia, không có mục đích rõ ràng). d) Luyện đọc câu</p>	<p>- Hs lắng nghe</p> <p>- Hs luyện đọc: sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa. -HS lắng nghe</p> <p>- Hs luyện đọc</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài có 6 câu. (GV đánh số TT cho từng câu). 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp). Đọc liền 2 câu: Rùa tự nhủ: - “Ta sẽ cố”. 	
<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> e) Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn: 2/4 câu). Quy trình đã hướng dẫn. 	
<ul style="list-style-type: none"> g) Tìm hiểu bài đọc (Sắp xếp các ý...) 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu YC; chỉ từng câu cho cả lớp đọc. / HS làm bài trong VBT (đánh số TT trước mỗi câu văn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs thực hiện - Hs thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS viết số TT lên 3 thẻ trên bảng. GV chốt đáp án. / Cả lớp đọc kết quả theo TT (1-2-3): (1) Thỏ rủ rùa thi đi bộ. (2) Thỏ la cà, rùa cố bò. (3) Thỏ thua rùa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vì thỏ chủ quan, nghĩ là rùa sẽ thua nên la cà. - Vì rùa hết sức cố gắng.
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Vì sao thỏ thua rùa? 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Vì sao rùa thắng thỏ? 	<ul style="list-style-type: none"> - Thỏ chủ quan nên đã thua rùa
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Câu chuyện là lời khuyên: Chớ chủ quan, kiêu ngạo. Nếu chủ quan, kiêu ngạo thì —phi nhanh như thỏ” cũng có thể thua rùa trong cuộc thi chạy. Nếu biết mình yếu và gắng sức thì —chậm như rùa” cũng có thể lập kì tích thắng thỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc bài
<p>2.2. BT 2 (Tập chép)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV viết lên bảng câu văn cần tập chép; chỉ từng chữ cho HS đọc to, rõ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs thực hiện

- HS nhìn mẫu chữ trên bảng hoặc VBT, chép lại câu văn.
- HS viết xong, soát lại bài; đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau.

4/**Hoạt động nối tiếp:** GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà kể với người thân bài học mà em hiểu ra sau khi đọc truyện Thỏ thua rùa.

Bổ sung:

.....

SINH HOẠT LỚP

THỰC HIỆN NÓI LỜI HAY Ý ĐẸP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết và hiểu cách thể hiện lời hay ý đẹp trước các bạn.
- Vui vẻ, tự tin trong giao tiếp với mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định: Hát</p> <p>2. Các bước sinh hoạt:</p> <p>2.1. Nhận xét trong tuần 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo: + <i>Đi học chuyên cần:</i> + <i>Tác phong , đồng phục .</i> + <i>Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập</i> + <i>Vệ sinh.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần. + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi

<p>+ GV nhận xét qua 1 tuần học:</p> <p>* <i>Tuyên dương:</i></p> <p>- GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.</p> <p>* <i>Nhắc nhở:</i></p> <p>- GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.</p> <p>2.2. Phương hướng tuần 6</p> <p>- Thực hiện dạy tuần 6, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.</p> <p>- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.</p> <p>2.3. Thực hiện nói lời hay ý đẹp.</p> <p><i>a. Học sinh tự đánh giá việc thực hiện nói lời hay ý đẹp.</i></p> <p>- GV cho HS làm việc theo nhóm.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện chia sẻ theo tổ, nhóm với các nội dung:</p>	<p>+ Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- Các nhóm lên trao đổi, giới thiệu</p> <p>- HS làm việc theo nhóm 4.</p> <p>- HS theo dõi, lắng nghe cô hướng dẫn.</p>
---	---

<p>+ Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở trường?</p> <p>+ Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở nhà?</p> <p>+ Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện nói lời hay ý đẹp</p> <p>- Y/C các nhóm thảo luận</p> <p>- Y/C từng nhóm lần lượt cử đại diện lên thực hiện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm.</p> <p><i>b. GV thực hiện</i></p> <p>- Đánh giá chung kết quả thực hiện nói lời hay ý đẹp của học sinh trong lớp; biểu dương khen thưởng các em thực hiện tốt.</p> <p>- Nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong học tập và đời sống hằng ngày.</p>	<p>- Các nhóm làm việc thảo luận các nội dung, đưa ra các lời hay trong mỗi tình huống.</p> <p>- Mỗi nhóm cử đại diện lên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong hoàn cảnh cụ thể do GV đề xuất.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

.....

Chủ đề 2: Gia đình
Nơi nuôi dưỡng, dạy bảo, yêu thương và che chở em.
Bổn phận của em đối với gia đình

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hiểu được em là một thành viên trong gia đình; gia đình là nơi em được nuôi dưỡng, dạy bảo và yêu thương.
- Hiểu được những quyền được hưởng và bổn phận của em đối với gia đình.
- Yêu quý, kính trọng và hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ và các anh chị em trong gia đình.
- Có thái độ đúng với những quyền mình được hưởng, không yêu cầu đòi hỏi quá mức so với điều kiện thực tế của gia đình mình.
- Có thói quen chào hỏi lễ độ; có thái độ tôn trọng những người trong gia đình.
- Có thói quen quan tâm, chăm sóc đối với những người trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG:

- - Ba tranh, ảnh về gia đình tiêu biểu.
- - Ba bức tranh về trạng thái gia đình:
- GD hạnh phúc bố mẹ yêu thương, chăm sóc con cái.
- GD không hạnh phúc
- Tranh thể hiện trẻ em không có GD
- - HS chuẩn bị đóng vai 2 tiêu phẩm: “Gia đình bạn Hoa” và “Bé trai không ngưng khóc”. Học sinh lớp 2 được phân vai cụ thể vào các vai nam và nữ, em bé,...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: (3 phút) - Giáo viên giới thiệu tổng quát về bài học hôm nay - GV cho cả lớp hát bài “Cả nhà thương nhau” Qua bài hát GV giới thiệu và viết bảng: Chủ đề Gia đình.</p> <p>2. Hoạt động 2: Xem tranh và nói nội dung. (5 phút) GV treo ba bức tranh về ba mô hình gia đình. Gọi HS chỉ từng bức tranh giới thiệu nhưng người trong tranh theo ý các em.</p>	<p>Cả lớp hát. - HS quan sát tranh và giới thiệu theo tranh. - Đây là gia đình có cả ông bà, cha mẹ và con cái. - Đây là gia đình có cha mẹ và các con. - Đây là gia đình chỉ có hai mẹ con. - Các bức tranh đều thể hiện hình ảnh một gia đình. HS lắng nghe. - 6 HS lên đóng vai (Bố, mẹ Hoa, Hoa, Bác sĩ, các bạn của Hoa)</p>

<p>- Các bức tranh mà các em vừa xem có đúng thể hiện hình ảnh một gia đình không?</p> <p>KL: Gia đình bao gồm những người thân thiết, đó là cha mẹ và các con. Họ cùng chung sống với nhau.</p> <p>3. Hoạt động 2: Tiểu phẩm: Gia đình bạn Hoa. (10 phút)</p> <p>- GV gọi HS lên diễn tiểu phẩm.</p> <p>- Câu chuyện mà chúng ta vừa xem nói về điều gì?</p> <p>- Khi Hoa bị ốm, bố mẹ Hoa có thái độ như thế nào?</p> <p>- Việc làm của bố mẹ Hoa đối với Hoa nói lên điều gì?</p> <p>- Sau khi khỏi bệnh, Hoa có ý nghĩ như thế nào? Suy nghĩ của Hoa có đúng không? Vì sao?</p> <p>KL: Gia đình là nơi nuôi dưỡng, yêu thương và che chở cho em. Trẻ em có quyền được sống cùng cha mẹ và hưởng sự chăm sóc, yêu thương của cha mẹ.</p> <p>4. Hoạt động 3 - Kể chuyện: “ Bé trai không ngưng khóc”. (10 phút)</p> <p>- Gọi HS diễn lại ND câu chuyện GV nêu các câu hỏi để HS trao đổi về nội dung câu chuyện.</p> <p>- Vì sao em bé lại khóc mặc dù đã được các con thú cho ăn và dỗ dành chu đáo?</p> <p>- ý kiến của bác cú đưa ra có đúng không? Vì sao?</p> <p>- Ai có trách nhiệm chăm sóc đứa bé?</p> <p>- Em có suy nghĩ gì khi xem xong câu truyện này?</p>	<p>- Cả lớp theo dõi tiểu phẩm, nhận xét và trả lời các câu hỏi.</p> <p>- Bạn Hoa bị ốm</p> <p>- Bố mẹ rất lo lắng và hết lòng chăm sóc Hoa.</p> <p>- Bố mẹ rất yêu thương Hoa.</p> <p>- Sau khi khỏi bệnh, Hoa cảm động và hứa với bố mẹ sẽ học thật giỏi để cha mẹ vui lòng. Suy nghĩ của Hoa rất đúng vì công ơn của cha mẹ rất lớn lao.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đóng vai diễn lại câu chuyện.</p> <p>- Cả lớp theo dõi câu chuyện</p> <p>- HS thảo luận và trả lời.</p> <p>- HS nối tiếp trả lời.</p> <p>- Cha mẹ và những người thân có trách nhiệm chăm sóc đứa bé.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát và thảo luận.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến thảo luận của nhóm mình:</p> <p>- Trong tranh gỡ hạnh phúc, các con được chăm sóc chu đáo</p> <p>- Trong tranh gỡ không hạnh phúc bố mẹ hay đánh nhau, cãi nhau. Trẻ em không được hưởng sự chăm sóc của cha mẹ.</p> <p>- Trẻ em nếu không có gia đình rất thiệt thòi. Những đứa trẻ không được hưởng sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ.</p> <p>HS nhắc lại 3 ý cơ bản của bài học về quyền và bổn phận củ</p>
--	---

GV tóm tắt: Cả cha và mẹ đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu thương con. Trẻ em có quyền chung sống với cha mẹ. Không ai có quyền buộc trẻ phải cách li cha mẹ...

5. Hoạt động 4 – Thảo luận nội dung tranh. (5 phút)

GV treo ba tranh

- Trong tranh vẽ hạnh phúc, các con được chăm sóc đối xử như thế nào? Đó là thể hiện quyền gì?

- Trong tranh vẽ không hạnh phúc bố mẹ hay đánh nhau, cãi nhau con cái sẽ như thế nào? Như thế trẻ em không được hưởng quyền gì?

- Trẻ em nếu không có gia đình thì sẽ như thế nào? Đó là những đứa trẻ bị mất quyền gì?

GVKL: Trẻ em có quyền có cha mẹ, có quyền được hưởng sự chăm sóc của cha mẹ. Cả cha mẹ đều có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con...

IV. Hoạt động nối tiếp (2 phút)

- GV nêu câu hỏi

- GV nhắc lại nội dung tiết học

- Dặn HS ghi nhớ quyền và bổn phận của trẻ em.

Thủy Thanh, ngày 11 tháng 10 năm 2024

**TM. TỔ CHUYÊN MÔN
TỔ TRƯỞNG**

NGƯỜI BIÊN SOẠN KHBD

Alma

Huỳnh Chi Bích Mai

Ưng

Nguyễn Thị Tín